

CÁCH ĐỊNH NGHĨA *THỪA PHÁT LẠI* TRONG CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VÀ LOẠI HÌNH TRA CỨU

PHẠM THỊ HUYỀN *

Tóm tắt: *Thừa phát lại* xuất hiện ở Việt Nam từ rất lâu nhưng cho đến nay vẫn còn khá xa lạ đối với nhiều người. Do sự phát triển của lịch sử đất nước, chế định *Thừa phát lại* đã có thời gian bị chấm dứt. Năm 2005 bắt đầu được khôi phục. Năm 2009 chính thức được triển khai thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2016 được triển khai trong phạm vi toàn quốc với mục đích hỗ trợ và góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động thi hành án dân sự. Bài viết nghiên cứu về cách định nghĩa *Thừa phát lại* trong văn bản pháp luật và một số công trình tra cứu đã xuất bản. Từ đó đưa ra cấu trúc và đề xuất cách định nghĩa khái niệm này trong các loại hình tra cứu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Từ khóa: Khái niệm, thuật ngữ, *Thừa phát lại*.

Abstract: *Bailiff* had appeared in Vietnam for a long time, but so far it is still quite strange to many people. Due to the development of the country's history, the regulation of *Bailiff* had been terminated for a period of time. In 2005, it began to be restored. In 2009, it was officially piloted in Ho Chi Minh City. In 2016, it was deployed nationwide with the aim of supporting and contributing to improving the effectiveness of civil judgment enforcement activities. The article studies the definition of *Bailiff* in some legislation documents and lookup works, therefrom proposing the structure and definition of this concept in the lookup works according to the provisions of current law.

Keywords: Concept, term, *Bailiff*.

1. Mở đầu

Thừa phát lại (TPL) là một tên gọi chức danh tồn tại ở Việt Nam từ thời kỳ phong

kiến. Do sự phát triển của lịch sử đất nước, tên gọi này đã có nhiều biến chuyển. Sau nhiều năm không xuất hiện trong các văn bản pháp luật và cả thực tiễn áp dụng, đến năm 2005, TPL bắt đầu được khôi phục. Năm 2009, chính thức được triển khai thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2016, được triển khai trong phạm vi toàn quốc. Những năm qua, bên cạnh sự phát triển nhanh, mạnh về kinh tế, các quan hệ xã hội diễn ra có xu hướng ngày càng phức tạp, tiềm ẩn nhiều mâu thuẫn, tranh chấp. Các khiếu kiện hành chính và các tranh chấp về dân sự, kinh tế, lao động,... thường xuyên xảy ra, có chiều hướng ngày càng gia tăng. Việc thực hiện chủ trương phát triển loại hình dịch vụ TPL là rất cần thiết, đáp ứng nhu cầu chính đáng của cá nhân, tổ chức trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Mặc dù tồn tại từ rất lâu nhưng cho đến nay, tên gọi TPL vẫn còn khá xa lạ đối với nhiều người kể cả những người có chuyên môn. Chính vì vậy, việc đưa khái niệm TPL vào các công trình tra cứu là rất cần thiết. Khái niệm TPL có thể là đơn vị đầu mục của các loại từ điển như từ điển ngôn ngữ, từ điển thuật ngữ và từ điển bách khoa/bách khoa thư. Tuy nhiên, ở mỗi loại hình từ điển, nội dung thông tin

* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: phamhuyenvtd@gmail.com

được cung cấp lại mang những đặc điểm khác nhau. Hiện nay, trong một số công trình tra cứu đã có định nghĩa về TPL nhưng chưa đầy đủ và chưa hoàn toàn chính xác so với quy định hiện hành. Trong bài viết này, trên cơ sở tìm hiểu nội dung của khái niệm TPL trong các văn bản pháp luật và một số loại hình từ điển, bài viết muốn làm rõ những sự khác biệt đó. Từ đó, đưa ra mô hình định nghĩa TPL trong một số từ điển. Trong thời điểm hiện nay, việc biên soạn mục từ TPL trong *Từ điển bách khoa Hành chính Việt Nam*** là cần thiết bởi có thể bổ sung, cập nhật các thông tin định nghĩa về TPL theo pháp luật hiện hành.

2. Khái niệm “Thừa phát lại” trong văn bản pháp luật ở Việt Nam

“TPL có lẽ xuất hiện ở Việt Nam song hành với việc vua Tự Đức ký Hòa ước ngày 05.6.1862 nhượng cho Pháp 6 tỉnh Nam Kỳ” [1, tr.5]. Đây là giai đoạn đầu tiên đánh dấu sự xuất hiện của chế định pháp luật về TPL nhưng chỉ tồn tại ở Nam Kỳ. Khi triều đình nhà Nguyễn tiếp tục ký kết các Hòa ước và Hiệp ước song phương với Pháp thì hệ thống pháp luật của Pháp, trong đó có chế định TPL mới được triển khai trên toàn lãnh thổ Việt Nam và tồn tại trong suốt thời kỳ Pháp thuộc. Giai đoạn này, TPL được gọi với nhiều tên gọi khác nhau như: Chương tòa (miền Bắc), Mỗ tòa (miền Trung), TPL (miền Nam). Thời kỳ này, TPL là một công lại (giống chức danh Huissier - nhân viên chấp hành (ở tòa án) trong hệ thống tư pháp của Pháp) do Tổng trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm để làm những công việc như: thông báo tòa khai mạc và bế mạc, gọi các đương sự, nhân chứng, thi hành lệnh giữ trật tự tại tòa (nhiệm vụ trong phiên tòa); tổng đạt các giấy tờ theo yêu cầu của tòa án, lập các vi bằng theo quy định của pháp luật, phát mại động sản hay bất động sản và trực tiếp thi hành các bản án, quyết định của tòa án (nhiệm vụ ngoài phiên tòa).

Sau khi giành chính quyền (1945), các quy định pháp luật của chế độ cũ vẫn tạm thời được áp dụng. TPL giai đoạn này là các công lại được giao cho nhiệm vụ làm các truyền phiếu hay các công việc về tư pháp, thi hành các bản án của Tòa án,... Năm 1959, miền Bắc thực hiện cải cách bộ máy tư pháp, việc thi hành án dân sự trước đây do TPL thực hiện được chuyển giao cho Thẩm phán Tòa án cấp huyện thực hiện. Điều này đồng nghĩa với việc chấm dứt sự tồn tại của TPL ở miền Bắc. Ở miền Nam, do ảnh hưởng của pháp luật Pháp và hệ thống pháp luật của chính quyền Sài Gòn, TPL tiếp tục được duy trì. Sau năm 1975, hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa được xây dựng và áp dụng trên phạm vi toàn quốc. Năm 1989, Pháp lệnh Thi hành án dân sự ra đời. Pháp lệnh quy định “Chấp hành viên là người được nhà nước giao trách nhiệm thi hành các bản án, quyết định của tòa án”. Pháp lệnh không có bất cứ quy định nào liên quan đến TPL. Điều này có nghĩa là, chế định TPL chấm dứt tại đây.

Với chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa thi hành án dân sự, chế định TPL đã được Nhà nước ta khôi phục. Năm 2005, chế định TPL bắt đầu khôi phục. Năm 2009, được áp dụng thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2012 - 2015, tiếp tục thực hiện thí điểm tại 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Năm 2016, được thực hiện trong phạm vi toàn quốc. Theo Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 8.01.2020 của Chính phủ ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của TPL, “TPL là người có đủ tiêu chuẩn được Nhà nước bổ nhiệm để thực hiện tổng đạt, lập vi bằng, xác minh điều kiện thi hành án dân sự, tổ chức thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật”.

Như vậy, các nhà làm luật đã giải thích khái niệm này dựa trên tiêu chuẩn lựa chọn và các công việc được làm, dùng để chỉ một

người có đủ các tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm để thực hiện một số chức năng giống với thẩm quyền của nhân viên nhà nước nhưng lại không phải cán bộ, công chức nhà nước. TPL hiện nay và TPL trong xã hội cũ đều chỉ một người có đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, được Nhà nước bổ nhiệm để làm các công việc nhất định. Tuy nhiên, chức năng của TPL ở các thời kỳ không hoàn toàn giống nhau. Điểm giống nhau trong các thời kỳ là TPL đều có chức năng truyền đạt giấy tờ (tổng đạt văn bản) theo yêu cầu của tòa án, lập vi bằng, thi hành các bản án dân sự. Tuy nhiên, thời kỳ trước năm 1945, ngoài các chức năng trên, TPL còn làm cả những công việc tại phiên tòa như: thông báo khai mạc, bế mạc phiên tòa, giữ trật tự tại phiên tòa,... Các công việc này hiện nay do thư ký tòa án và cảnh sát tư pháp thực hiện. Hiện nay, TPL chỉ làm các công việc thuộc phạm vi ngoài phiên tòa, trong đó có bốn công việc chính là: tổng đạt văn bản, lập vi bằng, xác minh điều kiện thi hành án dân sự và tổ chức thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Cách định nghĩa “Thừa phát lại” trong các loại hình từ điển

3.1. Định nghĩa “Thừa phát lại” trong một số từ điển tiếng Việt phổ thông

Việt Nam tân từ điển minh họa của Thanh Nghị: **Thừa phát lại** “viên chức ở tòa án giữ việc truyền đạt mệnh lệnh của tòa (ngày trước hay kêu là mõ tòa hoặc trưởng tòa)” [6, tr.1385]. Cấu trúc thông tin của mục này gồm: đầu mục, định nghĩa.

Từ điển tiếng Việt do Văn Tân và Nguyễn Văn Đạm làm Chủ biên:

Thừa phát lại nh. mõ tòa [8, tr.757].

Mõ tòa - eg. Thừa phát lại. Người giữ việc báo tin và thi hành các quyết định của tòa án trong xã hội cũ, có khi trông nom cả việc bán các động sản của Nhà nước [8, tr.515].

Cấu trúc thông tin của mục này gồm: đầu mục, còn gọi, định nghĩa.

Đại Từ điển tiếng Việt do Nguyễn Như Ý chủ biên: **Thừa phát lại** “viên chức chuyên việc chuyển đạt mệnh lệnh của tòa trong việc thi hành các bản án” [10, tr.1614]. Cấu trúc thông tin của mục này gồm: đầu mục, định nghĩa.

Từ điển tiếng Việt của nhiều tác giả: **Thừa phát lại** “viên chức cấp nhỏ trong ngành tư pháp, phụ trách việc tổng đạt các giấy tờ và thi hành phán quyết của tòa án” [7, tr.1889]. Cấu trúc thông tin của mục này gồm: đầu mục, định nghĩa.

Từ điển từ và ngữ Hán Việt của Nguyễn Lân: **Thừa phát lại** (thừa 1; phát: đưa ra; lại: viên chức phụ thuộc) viên chức tư pháp phụ trách việc truyền đạt và chấp hành những phán quyết của tòa án trong thời Pháp thuộc (cũ): nhân dân ta gọi những tên TPL là mõ tòa [5, tr.704]. Cấu trúc thông tin của mục này gồm: đầu mục, nghĩa Hán Việt, định nghĩa.

Nhìn chung, các thành phần trong cấu trúc thông tin của các từ điển kể trên đều gồm từ đầu mục và phần định nghĩa. *Từ điển tiếng Việt* do Văn Tân và Nguyễn Văn Đạm làm Chủ biên có chưa tên còn gọi để trong ngoặc đơn sau từ đầu mục; *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân chưa nghĩa gốc Hán Việt sau đầu mục từ. Cách định nghĩa chủ yếu dựa trên các công việc TPL được làm. So với các thông tin định nghĩa trong văn bản pháp luật hiện nay, thông tin trong phần định nghĩa của các công trình từ điển trên mới chỉ đưa ra một, hai hoặc ba công việc của TPL. Chưa có công việc lập vi bằng.

3.2. Định nghĩa “Thừa phát lại” trong một số từ điển thuật ngữ

Trong một số từ điển thuật ngữ chuyên

ngành như *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học* của Nguyễn Ngọc Hòa [2], *Từ điển giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng* của Nguyễn Duy Lâm [4] đều không có mục từ này. Có lẽ, trong khoảng thời gian trên, chế định TPL đã bị chấm dứt, không xuất hiện trong các văn bản pháp luật. Chính vì vậy, mục từ này đã không được định nghĩa trong các công trình trên.

3.3. Định nghĩa “Thừa phát lại” trong một số từ điển bách khoa/bách khoa thư

- *Từ điển bách khoa Việt Nam*: không có mục từ TPL.

- Theo *Bách khoa thư Larousse* của Pháp: “TPL (Huissier (de justice)): viên chức của chính phủ làm nhiệm vụ soạn thảo các chứng thư pháp lý và thi hành các quyết định của tòa án. Ngoài những vai trò chính được độc quyền ra, TPL còn có thể thực hiện một số biên bản ghi nhận nhất định liên quan đến thu hồi các khoản nợ và ở những nơi họ không được đóng vai trò là nhân viên bán đấu giá, biên bản bán đấu giá và thanh lý thông qua đấu giá công khai các tài sản nội thất và các thiết bị hay phương tiện di động hữu hình,... Họ có thể soạn thảo các biên bản ghi nhận thông qua yêu cầu của cơ quan tư pháp/tòa án hoặc theo yêu cầu của các khách hàng là tư nhân (biên bản xác nhận hiện trạng, biên bản liên quan đến hư hại hoặc thiệt hại vật chất khác nhau,...). Và cuối cùng, họ có thể soạn thảo các biên bản ghi nhận (hoặc chứng thư...) bằng con dấu (chữ ký) riêng mà không cần thị thực của công chứng viên. Các cán bộ TPL được bổ nhiệm bởi Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Họ có các thẩm quyền được sử dụng trên toàn lãnh thổ của Pháp” [11].

So với định nghĩa trong văn bản pháp luật, cấu trúc thông tin mục từ TPL trong *Bách khoa thư Larousse* là đầy đủ nhất bao gồm: tên đầu mục, định nghĩa, người bổ nhiệm, các công việc được làm, vai trò, thẩm quyền của TPL.

3.4. Mô hình chung của định nghĩa “Thừa phát lại” trong các công trình trên

(1) Từ đầu mục: Thừa phát lại.

(2) Từ bao:

- Viên chức (*Bách khoa thư Larousse* của Pháp, *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lâm, *Việt Nam tân từ điển minh họa* của Thanh Nghị, *Đại Từ điển tiếng Việt* do Nguyễn Như Ý làm Chủ biên, *Từ điển tiếng Việt* của nhiều tác giả).

- Người (*Từ điển Việt - Pháp* [3] của Lê Khả Kế - Nguyễn Lâm, *Từ điển tiếng Việt* [8] do Văn Tân và Nguyễn Văn Đạm làm Chủ biên).

Nhận xét về từ bao:

Có thể thấy, với từ bao “viên chức”: các công trình từ điển cho rằng TPL là viên chức theo thời điểm hiện nay là sai vì: viên chức chỉ những người được nhà nước tuyển dụng, làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập, hoạt động theo chế độ công vụ và được hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Còn TPL do Nhà nước bổ nhiệm nhưng không phải là công chức Nhà nước, họ làm việc và được hưởng thù lao, phí tổn theo giá biểu do Nhà nước quy định và hợp đồng ký kết với khách hàng. Như vậy, việc định nghĩa TPL là “viên chức” hoặc “viên chức cấp nhỏ” như trong các quyển từ điển nêu trên là hoàn toàn không chính xác. Việc gọi tên “cấp nhỏ” cũng là cách gọi theo ngôn ngữ nói, hoàn toàn mơ hồ và khiên cưỡng.

Với từ bao là “người”: chung chung, quá rộng. Cần chỉ ra thêm các đặc điểm để sát với đối tượng được định nghĩa.

(3) Nét khu biệt:

Nơi làm việc: ở tòa án/trong ngành tư pháp.

Công việc cụ thể:

- Soạn thảo các chứng thư pháp lý;

- Giữ việc chuyển đạt mệnh lệnh của tòa/ giữ việc báo tin/chuyển đạt mệnh lệnh của tòa trong việc thi hành các bản án/phụ trách

việc tổng đạt các giấy tờ;

- Thi hành các quyết định của tòa án trong xã hội cũ/chấp hành những phán quyết của tòa án trong thời Pháp thuộc;
- Trông nom cả việc bán các động sản của Nhà nước.

Nhận xét về các nét khu biệt:

- Nơi làm việc: theo điều 17, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ, TPL có văn phòng hành nghề, có trụ sở, con dấu riêng và tài khoản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính. Như vậy, TPL không làm việc ở tòa án. Việc cho rằng TPL là viên chức ở tòa án như *Việt Nam tân từ điển minh họa* của Thanh Nghị là hoàn toàn không đúng theo quy định hiện nay.

- Công việc cụ thể: cũng không đưa ra đầy đủ. Có từ điển chỉ có một công việc của TPL (*Việt Nam tân từ điển minh họa* [6], *Đại Từ điển tiếng Việt* [10]), có từ điển đưa ra hai (*Từ điển tiếng Việt* [7]) hoặc ba công việc của TPL (*Từ điển tiếng Việt* [8]). Những từ điển này đều xếp theo trật tự công việc chính, quan trọng là tổng đạt giấy tờ thì xếp trước; các công việc khác như thi hành phán quyết, quyết định của tòa án, trông nom việc bán bất động sản thì xếp sau. Một công việc cũng khá quan trọng của TPL đó chính là lập chứng thư pháp lý (hay lập vi bằng) như *Bách khoa thư Larousse* [11] đã nêu nhưng trong các từ điển tiếng Việt đều không nhắc đến công việc này.

Từ những phân tích ở trên ta thấy, thông tin mục từ TPL trong các loại hình từ điển kể trên đều có điểm chung bao gồm từ đầu mục và phân định nghĩa. Một số từ điển tiếng Việt chưa thêm còn gọi, nghĩa gốc Hán Việt để trong ngoặc đơn, sau từ đầu mục. Từ điển thuật ngữ chưa có mục từ này. Đối với loại hình từ điển bách khoa/bách khoa thư, mục từ TPL còn có các thông tin về người bổ nhiệm, các công việc

được làm, vai trò, thẩm quyền của TPL,...

4. Mô hình và đề xuất cách định nghĩa “Thừa phát lại” trong các loại hình từ điển

Dựa theo những cơ sở đã trình bày ở trên, có thể đề xuất mô hình định nghĩa mục từ này trong một số loại công trình tra cứu như sau:

* *Trong từ điển tiếng Việt phổ thông:*

Mô hình:

- Đầu mục;
- Từ bao: người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;
- Các nét khu biệt: người bổ nhiệm, các công việc được làm.

Đề xuất cách định nghĩa mục từ:

Thừa phát lại người có đủ các tiêu chuẩn, do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm để làm các công việc tổng đạt giấy tờ, lập vi bằng, thi hành án dân sự và các công việc khác theo quy định của pháp luật.

* *Trong từ điển thuật ngữ Luật học:*

Mô hình:

- Đầu mục;
- Từ bao: người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;
- Các thông tin khái quát: người bổ nhiệm, các công việc được làm;
- Các thông tin mang tính chuyên ngành: tiêu chuẩn bổ nhiệm, nguyên tắc hoạt động,...

Đề xuất cách định nghĩa mục từ:

Thừa phát lại người có đủ các tiêu chuẩn, do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm để làm các công việc tổng đạt giấy tờ, lập vi bằng, thi hành án dân sự và các công việc khác theo quy định của pháp luật. Tiêu chuẩn để được bổ nhiệm TPL: là công dân Việt Nam không quá 65 tuổi, thường trú tại Việt Nam, chấp hành tốt Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt; có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành Luật; có thời gian công tác pháp luật từ 03 năm trở lên tại

các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành Luật; tốt nghiệp khóa đào tạo, được công nhận tương đương đào tạo hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề TPL; đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề TPL. TPL làm việc theo chế độ hợp đồng lao động và thư ký nghiệp vụ. TPL có văn phòng, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng. Hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính.

** Trong từ điển bách khoa /bách khoa thư ngành Luật:*

- Tên mục từ;
- Định nghĩa;
- Lịch sử hình thành và phát triển;
- Nội dung quy định về TPL;
- Ý nghĩa, vai trò của TPL trong hệ thống pháp luật và đời sống xã hội.

Đề xuất cách biên soạn mục từ:

THỪA PHÁT LẠI người có đủ các tiêu chuẩn, do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm để làm các công việc tổng đạt giấy tờ, lập vi bằng, thi hành án dân sự và các công việc khác theo quy định của pháp luật.

TPL xuất hiện lần đầu tiên ở miền Nam Việt Nam song hành với việc vua Tự Đức ký Hòa ước ngày 05.6.1862 nhượng cho Pháp 6 tỉnh Nam Kỳ. Khi triều đình nhà Nguyễn tiếp tục ký kết các Hòa ước và Hiệp ước song phương với Pháp thì hệ thống pháp luật của Pháp, trong đó có chế định TPL mới được triển khai trên toàn lãnh thổ Việt Nam với các tên gọi khác nhau như: Chưởng tòa (miền Bắc), Mô tòa (miền Trung), TPL (miền Nam). Thời kỳ này, TPL là công lại (giống chức danh “Huissier” - nhân viên chấp hành ở tòa án trong hệ thống tư pháp của Pháp, được quy định trong Bộ Dân luật Pháp năm 1804 và Bộ Dân sự tổ tụng Pháp năm 1807) do Tổng trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm và quản lý. TPL thực hiện các công việc như: thông báo tòa khai mạc và bế mạc, gọi các đương sự, nhân chứng, thi hành lệnh giữ trật tự tại tòa (nhiệm vụ trong phiên tòa); tổng đạt các giấy tờ theo yêu cầu của tòa án, lập các vi bằng theo quy định của pháp luật, phát mại động sản hay bất động sản và trực tiếp thi hành các bản án, quyết định của tòa án (nhiệm

vụ ngoài phiên tòa).

Ngày 10.10.1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Sắc lệnh số 90/SL về việc tạm thời giữ các quy định pháp luật của chế độ cũ đã được áp dụng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Chính vì vậy, mô hình TPL thời kỳ Pháp thuộc vẫn tiếp tục được duy trì. Ngày 02.02.1950, Tổng trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Nghị định số 111/BTP quy định, TPL là các công lại được pháp luật giao cho nhiệm vụ làm các truyền phiếu hay các công việc về tư pháp, thi hành các bản án, của Tòa án,...

Năm 1959, miền Bắc thực hiện cải cách bộ máy tư pháp. Việc thi hành án dân sự trước đây do TPL thực hiện được chuyển giao cho Thẩm phán Tòa án cấp huyện thực hiện. Điều này đồng nghĩa với việc chấm dứt sự tồn tại của TPL ở miền Bắc. Ở miền Nam, do ảnh hưởng của pháp luật Pháp và hệ thống pháp luật của chính quyền Sài Gòn, TPL tiếp tục được duy trì. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của TPL được quy định tại Nghị định số 111/BTP.

Sau năm 1975, hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa được xây dựng và áp dụng trên phạm vi toàn quốc. Ngày 28.8.1989, Pháp lệnh Thi hành án dân sự ra đời. Pháp lệnh quy định, Chấp hành viên là người được pháp luật cho phép tổ chức thi hành các bản án, quyết định. Pháp lệnh không có bất cứ quy định nào liên quan đến TPL. Chế định TPL chấm dứt tại đây.

Năm 2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02.6.2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đồng thời xác định nhiệm vụ cấp bách là nghiên cứu chế định TPL tổ chức thí điểm tại một số địa phương. Ngày 22.02.2006, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương đã ban hành Kế hoạch số 05-KH/CCTP nghiên cứu mô hình tổ chức TPL, trước mắt tổ chức thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 11.2008, Quốc hội thông qua Luật Thi hành án dân sự (có hiệu lực từ ngày 01.7.2009), bắt đầu khôi phục và áp dụng thí điểm chế định TPL tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 23.11.2012, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 36/2012/QH13 tiếp tục thực hiện thí điểm chế định TPL tại 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến hết ngày 31.12.2015. Ngày 26.11.2016, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 107/2015/QH13 quyết định chấm dứt việc thí điểm

và thực hiện chế định TPL trong phạm vi toàn quốc bắt đầu từ ngày 01.01.2016.

TPL phải có đầy đủ các tiêu chuẩn sau: là công dân Việt Nam không quá 65 tuổi, thường trú tại Việt Nam, chấp hành tốt Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt; có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành Luật; có thời gian công tác pháp luật từ 03 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành Luật; tốt nghiệp khóa đào tạo, được công nhận tương đương đào tạo hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề TPL; đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề TPL. TPL được làm bốn công việc: tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật; lập vi bằng theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật; tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án theo yêu cầu của đương sự theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của TPL: trung thực, khách quan khi thực hiện công việc; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và Quy tắc đạo đức nghề nghiệp TPL; chịu trách nhiệm trước người yêu cầu và trước pháp luật về việc thực hiện công việc của mình; không đồng thời hành nghề tại 02 hoặc nhiều Văn phòng TPL; tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ TPL hàng năm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; mặc trang phục TPL theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định, đeo thẻ TPL khi hành nghề; tham gia tổ chức xã hội - nghề nghiệp của TPL (nếu có); chịu sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, của văn phòng TPL nơi mình đang hành nghề và tổ chức xã hội - nghề nghiệp của TPL mà mình là thành viên và một số các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật có thể bị miễn nhiệm hoặc tạm đình chỉ hành nghề TPL. TPL làm việc theo chế độ hợp đồng lao động và thu ký nghiệp vụ. Văn phòng TPL là tổ chức hành nghề của TPL, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng. Hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính.

TPL có vai trò quan trọng trong nghiên cứu và thực tiễn. Góp phần thực hiện tốt chủ trương về xã hội hóa hoạt động hỗ trợ tư pháp, giảm bớt án dân sự tồn đọng và số lượng công việc của các cơ quan thi hành án dân sự; thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Đáp ứng nhu cầu chính đáng của cá nhân, tổ chức trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tạo cơ hội cho người dân có quyền lựa chọn việc yêu cầu thi hành bản án, quyết định của

Tòa án với thời gian nhanh hơn, hiệu quả hơn, bảo đảm quyền và lợi ích các bên có liên quan.

4. Kết luận

TPL là một tên gọi chức danh rất quan trọng và có lịch sử xuất hiện từ rất lâu, cần thiết phải đưa vào các công trình tra cứu. Qua việc khảo sát cách định nghĩa trong một số công trình tra cứu, bài viết đã nêu ra một số điểm chưa chính xác so với quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và đưa ra cấu trúc cũng như đề xuất mô hình định nghĩa mục từ TPL trong các công trình từ điển tiếng Việt phổ thông, từ điển thuật ngữ luật học, từ điển bách khoa/bách khoa thư Luật học. Mô hình định nghĩa đó có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo khi biên soạn các loại hình tra cứu này.

CHÚ THÍCH

** Đề tài cấp Bộ do TS. Đặng Thị Phụng làm Chủ nhiệm, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam là Tổ chức chủ trì, thực hiện năm 2021 - 2022.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Chính (Chủ biên), *Tổ chức Thừa phát lại*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006.
- [2] Nguyễn Ngọc Hòa, *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1999.
- [3] Lê Khả Kế - Nguyễn Lân, *Từ điển Việt - Pháp*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.
- [4] Nguyễn Duy Lâm, *Từ điển giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001.
- [5] Nguyễn Lân, *Từ điển từ và ngữ Hán Việt*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2007.
- [6] Thanh Nghị, *Việt Nam tân từ điển minh họa*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1967.
- [7] Nhiều tác giả, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2005.
- [8] Văn Tân, Nguyễn Văn Đạm (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.
- [9] Tổng cục Thi hành án dân sự, *Sổ tay Thừa phát lại*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2010.
- [10] Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1999.
- [11] [https://www.larousse.fr/encyclopedie/divers/](https://www.larousse.fr/encyclopedie/divers/huissier_de_justice/58924)
[huissier_de_justice/58924](https://www.larousse.fr/encyclopedie/divers/huissier_de_justice/58924).